



GRASS ACCORD

GA-F00416 · v1

Rooftop Fougère

Oải hương và cam bergamot mát lạnh trên nền cỏ khô ngọt, hoa mềm mại và xạ hương phấn ẩm áp

FOUGÈRE · 33 NGUYÊN LIỆU · 1,000 PHẦN

THƯ VIỆN MỒ GRASSACCORD · CÔNG THỨC HỌC TẬP



THƯ VIỆN MỞ GRASSACCORD · CÔNG THỨC HỌC TẬP

Rooftop Fougère

Oải hương và cam bergamot mát lạnh trên nền cỏ khô ngọt, hoa mềm mại và xạ hương phấn ẩm áp

NHÓM HƯƠNG	MỀ	NGUYÊN LIỆU	PHÙ HỢP
Fougère	1,000 phần	33	Nước hoa · Dầu gội · Sữa tắm và nước rửa tay

I Ghi chú của nhà điều hương

Cuối buổi sáng trên sân thượng một khách sạn lớn: hồ bơi tĩnh lặng màu ngọc lam, rèm cabana khẽ lay, và trên mặt đá cẩm thạch trắng ấm, ai đó đã đặt một bình oải hương mới cắt bên cạnh một quả bergamot. Hơi thở đầu tiên mát lạnh và tươi sáng như nước bắn: bergamot, chanh xanh và chanh vàng với sự tươi mát sạch sẽ và một ánh lạnh của bách xù.

Rồi oải hương chiếm lĩnh, thảo mộc và mềm mại, được kinh giới ngọt sười ấm và dẫn vào một bó hoa dịu dàng gồm hồng, linh lan, nhài trắng và lớp phấn violet mịn. Dần dần, hương lắng xuống trên cỏ khô ngọt, bóng rêu, cỏ vetiver khói, gỗ đàn hương béo mịn và xạ hương phấn ẩm áp. Hãy học cách một fougère được xây thành hai nửa: thảo mộc tươi ở trên, cỏ khô ngọt ở dưới.



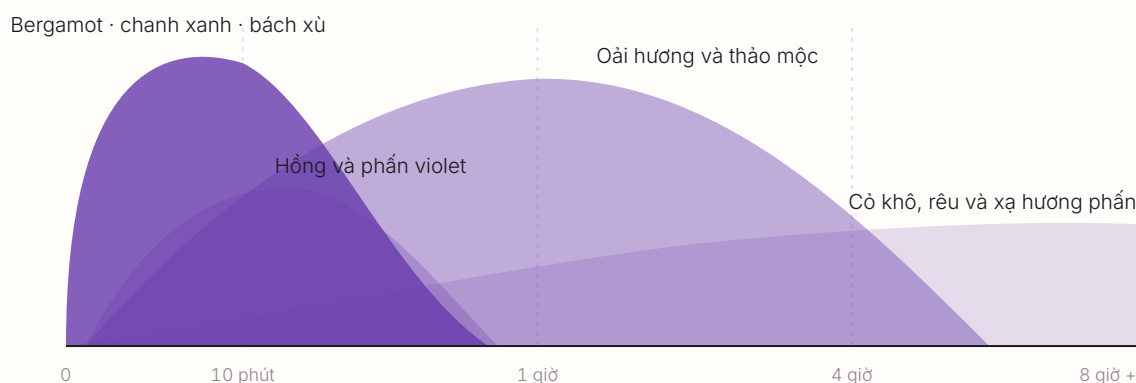
16.8%

Bộ khung fougère chiếm 16.8% công thức — phía trên là tinh dầu oải hương (10.3%) cùng các phân tử chung mùi với oải hương: linalool, linalyl acetate và ethyl linalool (2.5%); phía dưới là coumarin (2.1%) với oakmoss và Evernyl (1.9%). Tỷ lệ nhỏ nhưng chính nó làm nên fougère: cam chanh và hoa xung quanh thay đổi tâm trạng, còn thảo mộc mát trên cổ khô ngọt và rêu mới tạo nên hình dáng.

BÀI HỌC CỦA CÔNG THỨC NÀY

II Hương lan tỏa thế nào

TRÊN GIẤY THỬ



Mình họa cho ghi chú của nhà điều hương, không phải phép đo — thời gian thay đổi theo liều lượng, nền và nhiệt độ.

III Liều lượng đề xuất

Nước hoa cồn · nước-cồn 15%

Dầu gội · sữa tắm · nước rửa tay · loại rửa trôi 1%

Ở các liều này, citral, benzyl salicylate, hydroxycitronellal, isoeugenol và musk ketone nằm trong giới hạn của EU. Trên da, hãy dùng bergamot không bergapten (FCF) và chanh xanh chưng cất; bergamot ép lạnh ở 15% sẽ vượt giới hạn độc tính quang của IFRA — xem trang cuối.



IV Cấu trúc hương

TỶ LỆ NGUYÊN CHẤT · 1 TRÊN 2

Cam chanh đắng	Bergamot essential oil FCF	<div><div></div></div>	10.3%
Oải hương	Lavender essential oil	<div><div></div></div>	10.3%
Phần violet	alpha-Isomethyl ionone	<div><div></div></div>	6.3%
Chanh xanh tròn vị	Lime essential oil distilled	<div><div></div></div>	6.2%
Hồng trong trẻo	Citronellol	<div><div></div></div>	5.1%
Vỏ ngọt	Orange essential oil	<div><div></div></div>	5.1%
Linh lan đầm sương	Hydroxycitronellal	<div><div></div></div>	4.9%
Nền nhài	Sampaquita Givco	<div><div></div></div>	4.9%
Hồng trái cây	Citronellyl acetate	<div><div></div></div>	4.1%
Hoa cam	Neroli essential oil	<div><div></div></div>	3.9%
Nhài thoáng nhẹ	Hedione	<div><div></div></div>	3.6%
Vỏ chanh vàng	Lemon essential oil	<div><div></div></div>	3.0%
Xạ hương phấn	Musk ketone	<div><div></div></div>	2.9%
Thảo mộc ấm	Sweet marjoram essential oil	<div><div></div></div>	2.9%
Cỏ khô	Coumarin	<div><div></div></div>	2.1%
Quả gink	Juniper berry essential oil terpeneless	<div><div></div></div>	2.1%
Gỗ béo mịn	Sandalwood essential oil	<div><div></div></div>	2.1%



IV Cấu trúc hương

TỶ LỆ NGUYÊN CHẤT · 2 TRÊN 2

Rễ khố	Vetiver essential oil	<div></div>	2.1%
Nhựa thơm mềm	Benzyl salicylate	<div></div>	1.9%
Nhựa trong trẻo	Olibanum essential oil	<div></div>	1.9%
Chanh xanh trong trẻo	Dihydromyrcenol	<div></div>	1.5%
Xạ hương sạch	Galaxolide, 50%	<div></div>	1.0%
Vỏ chanh	Citral	<div></div>	1.0%
Rêu khô	Evernyl	<div></div>	1.0%
Gỗ nhung	Iso E Super	<div></div>	1.0%
Hoa tươi	Linalool	<div></div>	1.0%
Oải hương cam chanh	Linalyl acetate	<div></div>	1.0%
Rêu sồi	Oakmoss absolute	<div></div>	0.9%
Xanh sắc	Galbanum essential oil	<div></div>	0.6%
Hoa mềm mại	Ethyl linalool	<div></div>	0.5%
Hồng lê	Geranyl acetate	<div></div>	0.5%
Xạ hương sạch	Exaltolide, 10%	<div></div>	0.21%
Cầm chướng	Isoeugenol, 10%	<div></div>	0.12%

Các thanh cho thấy tỷ lệ riêng của từng nguyên liệu. Hai dung dịch được pha trong Hedione, thêm 2.97%, nên sẽ có tổng cộng 6.57% Hedione; Galaxolide dùng như khi bán, 50% trong IPM.



V Công thức

1 TRÊN 3

STT	NGUYÊN LIỆU	CAS	PHA LOÃNG	PHẦN	%	% NGUYÊN CHẤT	VAI TRÒ	LƯỢNG CÂN
01	Bergamot Essential Oil FCF	8007-75-8	—	103	10.3	10.3	Cam chanh đắng	
02	Lavender Essential Oil	8000-28-0	—	103	10.3	10.3	Oải hương	
03	alpha-Isomethyl Ionone	127-51-5	—	63	6.3	6.3	Phần violet	
04	Lime Essential Oil Distilled	8008-26-2	—	62	6.2	6.2	Chanh xanh tròn vị	
05	Citronellol	106-22-9	—	51	5.1	5.1	Hồng trong trẻo	
06	Orange Essential Oil	8008-57-9	—	51	5.1	5.1	Vỏ ngọt	
07	Hydroxycitronellal	107-75-5	—	49	4.9	4.9	Linh lan đầm sương	
08	Sampaquita Givco	—	—	49	4.9	4.9	Nền nhà	
09	Citronellyl Acetate	150-84-5	—	41	4.1	4.1	Hồng trái cây	
10	Neroli Essential Oil	8016-38-4	—	39	3.9	3.9	Hoa cam	
11	Hedione	24851-98-7	—	36	3.6	3.6	Nhài thoáng nhẹ	
12	Lemon Essential Oil	8008-56-8	—	30	3.0	3.0	Vỏ chanh vàng	



V Công thức

2 TRÊN 3

STT	NGUYÊN LIỆU	CAS	PHA LOÃNG	PHẦN	%	% NGUYÊN CHẤT	VAI TRÒ	LƯỢNG CẦN
13	Musk Ketone	81-14-1	—	29	2.9	2.9	Xạ hương phần	
14	Sweet Marjoram Essential Oil	8015-01-8	—	29	2.9	2.9	Thảo mộc ấm	
15	Coumarin	91-64-5	—	21	2.1	2.1	Cò khô	
16	Exaltolide	106-02-5	10% trong Hedione	21	2.1	0.21	Xạ hương sạch	
17	Juniper Berry Essential Oil Terpeneless	8002-68-4	—	21	2.1	2.1	Quả gin	
18	Sandalwood Essential Oil	8006-87-9	—	21	2.1	2.1	Gỗ béo mịn	
19	Vetiver Essential Oil	8016-96-4	—	21	2.1	2.1	Rễ khô	
20	Galaxolide	1222-05-5	50% trong IPM	20	2.0	1.0	Xạ hương sạch	
21	Benzyl Salicylate	118-58-1	—	19	1.9	1.9	Nhựa thơm mềm	
22	Olibanum Essential Oil	8016-36-2	—	19	1.9	1.9	Nhựa trong trẻo	
23	Dihydromyrcenol	18479-58-8	—	15	1.5	1.5	Chanh xanh trong trẻo	



V Công thức

3 TRÊN 3

STT	NGUYÊN LIỆU	CAS	PHA LOÃNG	PHẦN	%	% NGUYÊN CHẤT	VAI TRÒ	LƯỢNG CẦN
24	Isoeugenol	97-54-1	10% trong Hedione	12	1.2	0.12	Cầm chướng	
25	Citral	5392-40-5	—	10	1.0	1.0	Vỏ chanh	
26	Evernyl	4707-47-5	—	10	1.0	1.0	Rêu khô	
27	Iso E Super	54464-57-2	—	10	1.0	1.0	Gỗ nhung	
28	Linalool	78-70-6	—	10	1.0	1.0	Hoa tươi	
29	Linalyl Acetate	115-95-7	—	10	1.0	1.0	Oải hương cam chanh	
30	Oakmoss Absolute	90028-68-5	—	9	0.9	0.9	Rêu sỏi	
31	Galbanum Essential Oil	8023-91-4	—	6	0.6	0.6	Xanh sắc	
32	Ethyl Linalool	10339-55-6	—	5	0.5	0.5	Hoa mềm mại	
33	Geranyl Acetate	105-87-3	—	5	0.5	0.5	Hồng lê	



VI Đối quy mô

GAM · 1 TRÊN 2

STT	NGUYÊN LIỆU	10 G	50 G	100 G
01	Bergamot Essential Oil FCF	1.03	5.15	10.30
02	Lavender Essential Oil	1.03	5.15	10.30
03	alpha-Isomethyl Ionone	0.63	3.15	6.30
04	Lime Essential Oil Distilled	0.62	3.10	6.20
05	Citronellol	0.51	2.55	5.10
06	Orange Essential Oil	0.51	2.55	5.10
07	Hydroxycitronellal	0.49	2.45	4.90
08	Sampaquita Givco	0.49	2.45	4.90
09	Citronellyl Acetate	0.41	2.05	4.10
10	Neroli Essential Oil	0.39	1.95	3.90
11	Hedione	0.36	1.80	3.60
12	Lemon Essential Oil	0.30	1.50	3.00
13	Musk Ketone	0.29	1.45	2.90
14	Sweet Marjoram Essential Oil	0.29	1.45	2.90
15	Coumarin	0.21	1.05	2.10
16	Exaltolide 10%	0.21	1.05	2.10
17	Juniper Berry Essential Oil Terpeneless	0.21	1.05	2.10
18	Sandalwood Essential Oil	0.21	1.05	2.10
19	Vetiver Essential Oil	0.21	1.05	2.10
20	Galaxolide 50%	0.20	1.00	2.00
21	Benzyl Salicylate	0.19	0.95	1.90
22	Olibanum Essential Oil	0.19	0.95	1.90
23	Dihydromyrcenol	0.15	0.75	1.50
24	Isoeugenol 10%	0.12	0.60	1.20



VI Đối quy mô

GAM · 2 TRÊN 2

STT	NGUYÊN LIỆU	10 G	50 G	100 G
25	Citral	0.10	0.50	1.00
26	Evernyl	0.10	0.50	1.00
27	Iso E Super	0.10	0.50	1.00
28	Linalool	0.10	0.50	1.00
29	Linalyl Acetate	0.10	0.50	1.00
30	Oakmoss Absolute	0.09	0.45	0.90
31	Galbanum Essential Oil	0.06	0.30	0.60
32	Ethyl Linalool	0.05	0.25	0.50
33	Geranyl Acetate	0.05	0.25	0.50
	Tổng	10.00	50.00	100.00

Ở 10 g, dòng nhỏ nhất nặng 0.05 g — hãy dùng cân 0.001 g, hoặc pha 100 g và giữ phần còn lại.



VII Cách pha trộn

1. Pha hai dung dịch trong Hedione và để nghỉ 24 h: Exaltolide và isoeugenol ở 10% (1 g + 9 g Hedione). Galaxolide được cân như khi bán, 50% trong IPM.
2. Bắt đầu với phần nền bay hơi chậm: musk ketone (làm ấm nhẹ đến khi tan), coumarin, benzyl salicylate, tinh dầu đàn hương, vetiver và olibanum, oakmoss absolute, Evernyl, Iso E Super, Galaxolide và dung dịch Exaltolide.
3. Thêm phần giữa: tinh dầu oải hương và kinh giới ngọt, alpha-isomethyl ionone, citronellol, hydroxycitronellal, Sampaquita Givco, citronellyl acetate, geranyl acetate, Hedione, tinh dầu neroli và dung dịch isoeugenol.
4. Thêm phần đầu tươi mát: tinh dầu bergamot FCF, chanh xanh chưng cất, cam, chanh vàng, quả bách xù và galbanum, citral, dihydromyrcenol, linalool, linalyl acetate và ethyl linalool.
5. Khuấy nhẹ, đậy kín và để nghỉ 48 h ở nơi mát và tối. Với nước hoa, trộn 15 g với 85 g cồn pha nước hoa; với dầu gội, sữa tắm hoặc nước rửa tay, thêm 1 g vào 99 g nền không hương. Để nghỉ hai tuần (nước hoa) hoặc một tuần (sản phẩm rửa) trước khi đánh giá.



VIII Ghi chú nguyên liệu

1 TRÊN 5

Bergamot essential oil FCF (Citrus bergamia)

Tinh dầu tự nhiên · CAS 8007-75-8

Cam chanh đắng ngọt với nét giống trà và hoa. Ở 10.3%, một trong hai dòng lớn nhất, đây là hơi thở mát đầu tiên trên sân thượng. FCF nghĩa là đã loại bỏ furocoumarin; bergamot ép lạnh ở liều này sẽ vượt giới hạn độc tính quang của IFRA trên da.

grassaccord.com/ingredients/bergamot-essential-oil

alpha-Isomethyl ionone

C14H22O · 206.33 · CAS 127-51-5

Lớp phấn violet và orris mềm mại với nét gỗ. Ở 6.3%, nó phủ lên hoa như phấn talc mịn trên làn da ẩm. Chất gây dị ứng thuộc danh mục EU.

grassaccord.com/ingredients/alpha-isomethyl-ionone

Citronellol

C10H20O · 156.27 · CAS 106-22-9

Hồng tươi trong trẻo với nét lá phong lữ. Ở 5.1%, đây là hồng chính của phần giữa, giòn tươi chứ không ngọt như mít. Chất gây dị ứng thuộc danh mục EU.

grassaccord.com/ingredients/citronellol

Hydroxycitronellal

C10H20O2 · 172.27 · CAS 107-75-5

Linh lan mềm mại đắm sương. Ở 4.9%, nó giữ phần giữa tươi và ẩm, như hoa vừa được tưới lúc chạng vạng. Bị hạn chế và là chất gây dị ứng tại EU.

grassaccord.com/ingredients/hydroxycitronellal

Lavender essential oil (Lavandula angustifolia)

Tinh dầu tự nhiên · CAS 8000-28-0

Oải hương thảo mộc trong trẻo với vị ngọt hoa mềm mại. Ở 10.3%, đây là xương sống của công thức, oải hương cổ điển mà mọi fougère được xây quanh.

grassaccord.com/ingredients/lavender-essential-oil

Lime essential oil distilled (Citrus aurantifolia)

Tinh dầu tự nhiên · CAS 8008-26-2

Chanh xanh chứng cất: tròn và ngọt hơn dầu ép, gần với kẹo chanh. Ở 6.2%, nó mở rộng phần mở đầu cam chanh mát lạnh. Chứng cất để lại furocoumarin phía sau, nên không có giới hạn độc tính quang.

grassaccord.com/ingredients/lime-essential-oil

Orange essential oil (Citrus sinensis)

Tinh dầu tự nhiên · CAS 8008-57-9

Vỏ cam ngọt mọng nước. Ở 5.1%, nó làm mềm bergamot đắng và chanh xanh bằng vị ngọt tròn ẩm.

grassaccord.com/ingredients/orange-essential-oil



VIII Ghi chú nguyên liệu

2 TRÊN 5

Sampaquita Givco

Nền nhài · hỗn hợp · chứng nhận IFRA từ nhà cung cấp

Nền nhài sambac pha sẵn, sâu và hơi trái cây. Ở 4.9%, nó mang lại chiều sâu hoa trắng cho phần giữa. Hãy kiểm tra chứng nhận IFRA cho liều bạn dùng.

grassaccord.com/ingredients/sampaquita-givco

Neroli essential oil (Citrus aurantium flower)

Tinh dầu tự nhiên · CAS 8016-38-4

Hoa cam tươi với nét xanh và đắng. Ở 3.9%, đây là cây cầu từ vỏ cam chanh đến hoa.

grassaccord.com/ingredients/neroli-essential-oil

Lemon essential oil (Citrus limon)

Tinh dầu tự nhiên · CAS 8008-56-8

Vỏ chanh vàng tươi sáng lấp lánh. Ở 3.0%, nó làm sắc nét những phút đầu thành sự tươi mát sạch sẽ như nước vỏ.

grassaccord.com/ingredients/lemon-essential-oil

Sweet marjoram essential oil (Origanum majorana)

Tinh dầu tự nhiên · CAS 8015-01-8

Thảo mộc ấm, hơi mùi long não, dịu hơn cỏ xạ hương. Ở 2.9%, nó cho oải hương sự ấm áp thảo mộc đầy năng.

grassaccord.com/ingredients/sweet-marjoram-essential-oil

Citronellyl acetate

C12H22O2 · 198.31 · CAS 150-84-5

Hồng trái cây nhẹ với nét cam chanh nâng lên. Ở 4.1%, nó đưa hồng lên phần mở đầu để hai bên gặp nhau sớm.

grassaccord.com/ingredients/citronellyl-acetate

Hedione (methyl dihydrojasmonate)

C13H22O3 · 226.32 · CAS 24851-98-7

Nhài trong suốt, mỏng nhẹ. Ở 3.6% trên dòng riêng, và tổng cộng 6.57% cùng hai dung dịch pha trong nó, đây là không khí thoáng đãng của sân thượng giúp oải hương thờ.

grassaccord.com/ingredients/methyl-dihydrojasmonate-hedione

Musk ketone

C14H18N2O5 · 294.31 · CAS 81-14-1

Xạ hương ấm, ngọt, phấn — xạ hương ấm cổ điển của fougère quý ông. Ở 2.9%, đây là làn da mềm và lưu hương ở giai đoạn cuối. Bị hạn chế tại EU.

grassaccord.com/ingredients/musk-ketone



VIII Ghi chú nguyên liệu

3 TRÊN 5

Coumarin

C₉H₆O₂ · 146.14 · CAS 91-64-5

Cỏ khô mới phơi với vị ngọt của tonka và hạnh nhân. Ở 2.1%, đây là nửa còn lại của ý tưởng fougère: oải hương ở trên, cỏ khô ở dưới. Chất gây dị ứng thuộc danh mục EU.

grassaccord.com/ingredients/coumarin

Juniper berry essential oil terpeneless (Juniperus communis)

Tinh dầu tự nhiên · CAS 8002-68-4

Bách xù mát lạnh, nhựa thơm, mùi của rượu gin; loại khử terpen sạch hơn và bền hơn. Ở 2.1%, nó thêm ánh lạnh như lá thông vào phần mở đầu.

grassaccord.com/ingredients/juniper-berry-essential-oil

Vetiver essential oil (Vetiveria zizanioides)

Tinh dầu tự nhiên · CAS 8016-96-4

Rễ mùi đất và khói với nét gỗ khô. Ở 2.1%, nó cho phần nền một nền khô, nam tính.

grassaccord.com/ingredients/vetiver-essential-oil

Benzyl salicylate

C₁₄H₁₂O₃ · 228.25 · CAS 118-58-1

Gần như không mùi khi đứng riêng, một chút nhựa thơm ngọt nhẹ. Ở 1.9%, đây là tấm đệm giữ hoa và thảo mộc trên da. Bị hạn chế và là chất gây dị ứng tại EU.

grassaccord.com/ingredients/benzyl-salicylate

Exaltolide (pentadecanolide)

C₁₅H₂₈O₂ · 240.39 · CAS 106-02-5

Xạ hương mịn, tròn với độ mượt của làn da sạch. Dùng dưới dạng dung dịch 10% (0.21% nguyên chất), nó đánh bóng phần kết.

grassaccord.com/ingredients/exaltolide

Sandalwood essential oil (Santalum album)

Tinh dầu tự nhiên · CAS 8006-87-9

Gỗ béo mịn như sữa. Ở 2.1%, đây là thanh vịn gỗ trơn láng mà giai đoạn cuối tựa vào.

grassaccord.com/ingredients/sandalwood-essential-oil

Galaxolide (hexamethylindanopyran)

C₁₈H₂₆O · 258.40 · CAS 1222-05-5

Xạ hương mềm, sạch như đồ vừa giặt. Dùng như khi bán, dung dịch 50% trong IPM (1.0% nguyên chất), nó thêm sự mềm mại như khăn tắm sạch cho musk ketone.

grassaccord.com/ingredients/galaxolide



VIII Ghi chú nguyên liệu

4 TRÊN 5

Olibanum essential oil (Boswellia carterii)

Tinh dầu tự nhiên · CAS 8016-36-2

Nhũ hương: nhựa trong trào hương chanh với làn khói mát như trong nhà thờ. Ở 1.9%, nó thêm một lớp nhựa lắng lẽ, thoáng giữa thảo mộc và gỗ.

grassaccord.com/ingredients/olibanum-essential-oil

Isoeugenol

C10H12O2 · 164.20 · CAS 97-54-1

Gia vị cầm chướng ngọt, khói, rất mạnh. Dùng dưới dạng dung dịch 10% (0.12% nguyên chất) để nằm trong giới hạn EU, đây là một sợi gia vị duy nhất giữa các loài hoa.

grassaccord.com/ingredients/iso Eugenol

Evernyl (methyl atrarate)

C10H12O4 · 196.20 · CAS 4707-47-5

Nốt rêu sôi khô, sạch từ một phân tử duy nhất. Ở 1.0%, nó chia sẻ công việc với oakmoss absolute để cần ít nguyên liệu tự nhiên hơn.

grassaccord.com/ingredients/evernyl

Dihydromyrcenol

C10H22O · 158.28 · CAS 18479-58-8

Sự tươi mát chanh xanh sạch, ánh kim. Ở 1.5%, nó cho cam chanh sự trong trào giòn, mát và hiện đại.

grassaccord.com/ingredients/dihydromyrcenol

Citral

C10H16O · 152.24 · CAS 5392-40-5

Vỏ chanh tươi sáng và sả. Ở 1.0%, đây là ánh lấp lánh ngắn lúc đầu. Bị hạn chế và là chất gây dị ứng tại EU.

grassaccord.com/ingredients/citral

Iso E Super (tetramethyl acetyloctahydronaphthalenes)

C16H26O · 234.38 · CAS 54464-57-2

Hồ phách gỗ mượt như nhung. Ở 1.0%, nó mở rộng đàn hương và vetiver thành một vầng sáng mềm. Chất gây dị ứng thuộc danh mục EU.

grassaccord.com/ingredients/iso-e-super



VIII Ghi chú nguyên liệu

5 TRÊN 5

Linalool

C10H18O · 154.25 · CAS 78-70-6

Hương hoa tươi nhẹ, giữa oải hương và linh lan. Ở 1.0%, nó làm oải hương hòa mượt vào các loài hoa. Chất gây dị ứng thuộc danh mục EU.

grassaccord.com/ingredients/linalool

Oakmoss absolute (Evernia prunastri)

Absolute tự nhiên · CAS 90028-68-5

Rêu rừng sâu, ẩm với nét mộc và da thuộc. Ở 0.9%, đây là bóng tối dưới cò khô. Chỉ dùng loại ít atranol.

grassaccord.com/ingredients/oakmoss-absolute

Ethyl linalool

C11H20O · 168.28 · CAS 10339-55-6

Một linalool mềm và tròn hơn. Ở 0.5%, nó làm mượt các cạnh của oải hương.

grassaccord.com/ingredients/ethyl-linalool

Linalyl acetate

C12H20O2 · 196.29 · CAS 115-95-7

Tươi và ngọt, giữa bergamot và oải hương. Ở 1.0%, nó nổi hai bên thành một phần mờ đầu liền mạch. Chất gây dị ứng thuộc danh mục EU.

grassaccord.com/ingredients/linalyl-acetate

Galbanum essential oil (Ferula galbaniflua)

Tinh dầu tự nhiên · CAS 8023-91-4

Màu xanh đắng, mãnh liệt như cuống cây vừa gãy. Ở 0.6%, đây là một đường xanh duy nhất vắt qua thảo mộc.

grassaccord.com/ingredients/galbanum-essential-oil

Geranyl acetate

C12H20O2 · 196.29 · CAS 105-87-3

Hồng trái cây với độ mềm như quả lê. Ở 0.5%, đây là hồng nhẹ và tươi của phần giữa, nổi cam chanh với citronellol.

grassaccord.com/ingredients/geranyl-acetate



IX Kiểm tra chất gây dị ứng

EU

NGUYÊN LIỆU TRONG DANH MỤC	TRONG TINH CHẤT	NƯỚC HOA 15 %
Lavender essential oil	10.3%	1.545%
Bergamot essential oil FCF	10.3%	1.545%
alpha-Isomethyl ionone	6.3%	0.945%
Citronellol	5.1%	0.765%
Orange essential oil	5.1%	0.765%
Hydroxycitronellal	4.9%	0.735%
Lemon essential oil	3.0%	0.45%
Coumarin	2.1%	0.315%
Sandalwood essential oil	2.1%	0.315%
Benzyl salicylate	1.9%	0.285%
Citral	1.0%	0.15%
Linalool	1.0%	0.15%
Linalyl acetate	1.0%	0.15%
Oakmoss extract	0.9%	0.135%
Hexamethylindanopyran (Galaxolide)	1.0%	0.15%
Tetramethyl acetyloctahydronaphthalenes (Iso E Super)	1.0%	0.15%
Geranyl acetate	0.5%	0.075%
Isoeugenol	0.12%	0.018%

Ngưỡng của EU: 0.001% trong sản phẩm lưu trên da, 0.01% trong sản phẩm rửa trôi. Trong nước hoa 15%, mọi dòng đều phải ghi vào danh sách thành phần; trong sản phẩm rửa 1%, chỉ các dòng từ 1% trở lên trong tinh chất. Các tinh dầu (oải hương, bergamot, cam, chanh vàng, chanh xanh, neroli, kinh giới) và nền Sampaquita Givco cũng tự mang limonene, linalool, citral, geraniol và các chất gây dị ứng khác trong danh mục — hãy lấy theo dữ liệu của nhà cung cấp.



X Tóm tắt quy định

MỸ PHẨM · KIỂM TRA OCT 2026

NGUYÊN LIỆU	LIÊN MINH CHÂU ÂU	CÁC THỊ TRƯỜNG KHÁC ĐÃ KIỂM TRA
Citral	Bị hạn chế và là chất gây dị ứng phải công bố — Annex III, mục 70: sản phẩm nước hoa 0.6%, sản phẩm da và tóc rửa trôi 1.2%	Hàn Quốc: ghi nhãn chất gây dị ứng
Benzyl salicylate	Bị hạn chế và là chất gây dị ứng phải công bố — Annex III, mục 75: sản phẩm nước hoa 4%, sữa tắm dạng gel 1.3%, sản phẩm da và tóc rửa trôi khác 0.5%	Hàn Quốc: ghi nhãn chất gây dị ứng
Hydroxycitronellal	Bị hạn chế và là chất gây dị ứng phải công bố — Annex III, mục 72: 1.0% trong thành phẩm	Hàn Quốc: ghi nhãn chất gây dị ứng
Isoeugenol	Bị hạn chế và là chất gây dị ứng phải công bố — Annex III, mục 73: 0.02% trong thành phẩm	Hàn Quốc: ghi nhãn chất gây dị ứng
Musk ketone	Bị hạn chế — Annex III, mục 97: nước hoa cao cấp 1.4%, eau de toilette 0.56%, sản phẩm khác 0.042%	Chưa kiểm tra
Oakmoss absolute	Chất gây dị ứng phải công bố — Annex III, mục 91; atranol và chloroatranol trong nó bị cấm (Annex II) — chỉ dùng loại ít atranol	Chưa kiểm tra
alpha-Isomethyl ionone · Citronellol · Coumarin · Linalool · Linalyl acetate · Geranyl acetate · Galaxolide · Iso E Super	Chất gây dị ứng phải công bố — Annex III, các mục 90, 86, 77, 84, 337, 369, 336 và 344 (Galaxolide dưới tên 'hexamethylindanopyran', Iso E Super dưới tên 'tetramethyl acetyloctahydronaphthalenes')	Hàn Quốc: ghi nhãn chất gây dị ứng cho alpha-isomethyl ionone, citronellol, coumarin và linalool
Tinh dầu oải hương · bergamot · cam · chanh vàng · đàn hương	Chất gây dị ứng phải công bố — Annex III, các mục 360, 352, 351, 353 và 367. Dầu cam chanh: furocoumarin — Annex II, mục 358: chỉ ở hàm lượng bình thường của tinh chất tự nhiên. Trên da, hãy dùng bergamot không bergapten (FCF) và chanh xanh chứng cất	Chưa có trong từ điển của chúng tôi
Sampaquita Givco	Nền nhà độc quyền — tuân theo chứng nhận IFRA của nhà cung cấp	Chưa kiểm tra
Tất cả nguyên liệu khác	Không có mục Annex II / III theo CAS	Chưa kiểm tra

Ở mức 15% trong cồn được đề xuất: citral 0.15% từ nguyên liệu tinh khiết cộng thêm một ít từ dầu cam chanh (giới hạn EU 0.6%), benzyl salicylate 0.285% (giới hạn 4%), hydroxycitronellal 0.735% (giới hạn 1.0%), isoeugenol 0.018% (giới hạn 0.02%), musk ketone 0.435% (giới hạn 1.4%). Ở 1% trong dầu gội, sữa tắm hoặc nước rửa tay: benzyl salicylate 0.019% (giới hạn 0.5%), hydroxycitronellal 0.049%, isoeugenol 0.0012%, musk ketone 0.029% (giới hạn 0.042%). Tiêu chuẩn IFRA chưa được xác minh cho thè này.



Thư viện mở GrassAccord

HỌC HỎI · THAY ĐỔI · BIẾN NÓ THÀNH CỦA BẠN

Đây là công thức học tập được chia sẻ để học hỏi. GrassAccord không bảo đảm về độ an toàn, hiệu năng hay sự tuân thủ quy định và không chịu trách nhiệm pháp lý nào về việc sử dụng nó; bất kỳ ai làm hoặc bán sản phẩm từ công thức này đều chịu trách nhiệm kiểm nghiệm và đáp ứng các quy định của thị trường mình.